

Bản án số: **199/2022/DS-ST**

Ngày: 13-6-2022

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Minh
2. Ông Huỳnh Văn Phó

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Ngọc Ánh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang: Bà Trần Ngọc Hà – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2021/TLST-**DS** ngày 15 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Hồng T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Số 157A, Ấp 3B, xã ĐT, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang;

Đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1979; địa chỉ: 19/8A, đường LTHG, Phường 6, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

*** Bị đơn:** Chị Đỗ Minh C, sinh năm 1973; (Có mặt)

Địa chỉ: ấp TP1, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang;

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1986; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 4B, Tổ 1, ấp BT, xã TA, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang;

- Chị Võ Thị Thanh T1 (tên gọi khác: B) (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TP1, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong Đơn khởi kiện và Bản tự khai và bản tự khai bổ sung cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện của nguyên đơn trình bày:

Do quen biết, chị Lê Thị Hồng T có cho chị Đỗ Minh C vay tổng cộng 225.000.000đồng, anh H1 là người trực tiếp giao tiền cho chị C, cụ thể:

+ Lần 1: Chị có cho chị C vay 90.000.000đồng, chị C tự viết biên nhận và ký tên nhưng không ghi ngày tháng năm.

+ Lần 2: ngày 28/10/2019 chị cho chị C vay thêm 135.000.000đồng.

Số tiền cho chị C vay là của chị Lê Thị Hồng T. Sau khi vay số tiền 90.000.000đồng chị C có đóng lãi hàng tháng đầy đủ. Khi thấy chị C đóng lãi đầy đủ nên khi chị C xin vay thêm 135.000.000đồng, chị T đồng ý. Khi vay thêm khoản tiền sau thì chị C không thanh toán cho chị bất cứ tiền lãi hay tiền vốn nào dù đã nhiều lần yêu cầu chị C trả tiền lãi hay tiền vốn nhưng chị C không thực hiện nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Đỗ Minh C phải trả cho chị Lê Thị Hồng T số tiền vốn đã vay là 225.000.000đồng, và tiền lãi của khoản tiền vay 135.000.000đồng theo mức lãi suất 1.66%/tháng kể từ ngày 28/10/2019 cho đến ngày xét xử, yêu cầu trả một lần thời gian thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu về phần lãi suất, yêu cầu tính lãi đối với mức lãi suất 10%/năm (0.83%/tháng) đối với khoản vay 135.000.000đồng, các phần khác giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*** Tại bản tự khai cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết, bị đơn – chị Đỗ Minh C trình bày:** Chị không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu chị trả số tiền vốn 225.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 28/10/2019 vì chị không biết chị Lê Thị Hồng T là ai và không có nhận tiền từ chị T.

Chị chỉ vay tiền từ chị Võ Thị Thanh T1, (tên thường gọi là B) tại ấp TP1, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Chị có nhận 03 lần cụ thể như sau:

+ Lần 1: Ngày 08/6/2019 âm lịch, chị vay 30.000.000đồng, không làm biên nhận, lãi suất 15%/tháng.

+ Sau đó chị nhận tiếp 02 lần, tổng cộng 90.000.000đồng có làm biên nhận ghi tên bên cho vay là Nguyễn Văn H1, lãi suất 15%/tháng. Số tiền này chị vay để đóng hụi và đóng lãi cho khoản vay 30.000.000đồng.

Chị đã đóng lãi cho chị B mỗi tháng 18.000.000đồng, đóng được 8-9 tháng thì không có khả năng đóng tiếp.

Nay chị T kiện đòi 02 khoản vay 90.000.000đồng và 135.000.000đồng, tổng cộng 225.000.000đồng chị không đồng ý vì chị chỉ vay 120.000.000đồng, số còn lại là do nguyên đơn tính lãi gộp vào.

Tại phiên tòa, chị C trình bày: Do có nhu cầu vay tiền nên chị được chị Võ Thị Thanh T1 giới thiệu cho chị số điện thoại của anh Nguyễn Văn H1 để liên hệ vay tiền, chị có gọi điện thoại cho anh H1 vay số tiền 30.000.000đồng và được anh H1 đồng ý cho vay 30.000.000đồng, với lãi suất 15%/tháng, sau đó chị nhận tiền thông qua chị T2 số tiền đã trừ tiền lãi, khi vay số tiền này các bên không có lập biên nhận. Do không có tiền đóng tiền lãi nên chị vay tiền tiếp để trả nợ. Chị có nhờ chị T2 vay tiếp 02 lần tổng cộng 90.000.000đồng, lãi suất 15%/tháng, chị chỉ gọi điện thoại cho anh H1 vay tiền, anh H1 đồng ý cho vay, còn việc giao nhận tiền vay, trả tiền lãi vay đều thực hiện thông qua chị Võ Thị Thanh T1. Đối với biên nhận 135.000.000đồng là gộp chung những lần vay trước đó là 30.000.000đồng và 90.000.000đồng mà chị đã vay trước đó và 15.000.000đồng mà chị nợ chị T2 nên biên nhận ghi nợ 135.000.000đồng, chứ thực chất chị chỉ vay tổng cộng là 120.000.000đồng. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị C chỉ đồng ý trả chị T số tiền gốc đã vay là 120.000.000đồng nhưng xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi hết nợ vì chị có hoàn cảnh khó khăn và xin không trả lãi vì trước đây chị đã đóng được 170.000.000đồng tiền lãi.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- **Tại bản tự khai, anh Nguyễn Văn H1 trình bày:** Anh là người trực tiếp giao tiền và thực hiện các giao dịch với bà Đỗ Minh C, cụ thể:

Lần thứ nhất: Anh giao cho chị C vay số tiền 90.000.000đồng, chị C tự viết biên nhận và ký tên nhưng không ghi ngày tháng năm.

Sau đó, vào ngày 28/10/2019 anh có đưa chị C vay thêm số tiền 135.000.000đồng, lần này giấy mượn tiền là do anh viết, chị C ký tên và ghi họ tên vì thấy chị C ít viết chữ nên viết giấy mượn tiền không rõ ràng.

Tổng số tiền anh đã đưa cho chị C là 225.000.000đồng, lãi suất là 2%/tháng. Trên giấy vay tiền chị C vay của vợ anh là Lê Thị Hồng T.

Sau khi vay tiền 90.000.000đồng, do chị C có đóng lãi hàng tháng đầy đủ mỗi tháng đóng 1.800.000đồng. Khi thấy chị C có đóng lãi đầy đủ nên khi chị C xin vay thêm, anh có cho chị C vay thêm 135.000.000đồng, nhưng khi vay khoản tiền sau thì chị C không thanh toán cho anh chị bất cứ khoản tiền lãi hay tiền vốn nào. Anh và

chị T có trực tiếp nhiều lần yêu cầu chị C phải trả tiền lãi hoặc hoàn vốn cho anh chị nhưng chị C không thực hiện. Anh đồng ý chị T là người yêu cầu và nhận lại toàn bộ khoản tiền chị C đã vay.

*** *Tại biên bản lấy lời khai chị Võ Thị Thanh T1 trình bày:*** Chị và chị Đỗ Minh C không có quan hệ thân thích mà chỉ quen biết nhau do ở cùng ấp với nhau. Năm 2019 khi biết chị Đỗ Minh C có nhu cầu vay tiền nên chị có giới thiệu chị C với anh Nguyễn Văn H1 là chồng chị Lê Thị Hồng T để vay tiền. Chị chỉ là người giới thiệu vì biết vợ chồng anh H1 có cho vay tiền nên việc chị Đỗ Minh C và anh Nguyễn Văn H1, chị Lê Thị Hồng T thỏa thuận và thực tế giao nhận tiền, lãi suất như thế nào thì chị không biết. Chị không có giao tiền vay cho chị C cũng không cho chị C vay tiền và cũng không nhận tiền lãi của chị C. Việc vay nợ giữa các bên từ đầu đến cuối không hề thông qua chị vì chị chỉ là người giới thiệu người cần vay đến người cho vay, chị cũng không được hưởng lợi ích gì từ việc giới thiệu này.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chị Đỗ Minh C có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 225.000.000 đồng,

Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 90.000.000 đồng. Đối với khoản vay 135.000.000 đồng được tính theo mức lãi suất 0.83%/tháng kể từ ngày 28/10/2019 cho đến ngày Tòa án xét xử là 31 tháng 16 ngày là 35.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Nguyễn Văn H1, chị Võ Thị Thanh T1 có đơn xin vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận của hợp đồng vay. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Chị Lê Thị Hồng T yêu cầu khởi kiện chị Đỗ Minh C phải trả số tiền 225.000.000đồng của 02 khoản vay 90.000.000đồng và 135.000.000đồng và tiền lãi của khoản tiền vay 135.000.000đồng theo mức lãi suất 20%/năm (1.67%/tháng) kể từ ngày 28/10/2019 đến ngày tòa xét xử. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu về phần lãi, chỉ yêu cầu tính lãi đối với khoản vay 135.000.000đồng với mức lãi suất 10%/năm.

[3.1] Xét yêu cầu đối với khoản vay 90.000.000đồng:

[3.1.1] Tại phiên tòa, chị Đỗ Minh C trình bày chị có viết và ký tên vào “*Giấy mượn tiền*” với số tiền 90.000.000đồng nhưng số tiền vay này là của 03 lần vay mà chị đã hỏi vay của anh Nguyễn Văn H1 và được anh H1 đồng ý, sau đó chị nhận tiền vay từ chị Võ Thị Thanh T1 nên chị C cho rằng là chị vay tiền của chị T2. Lời trình bày của chị C mâu thuẫn với “*Giấy mượn tiền*” có nội dung thể hiện chị có mượn của chị Lê Thị Hồng T số tiền 90.000.000đồng mà chị C thừa nhận do chính chị viết và ký tên. Mặt khác, chị Võ Thị Thanh T1 trình bày chị không cho chị C vay tiền mà chỉ giới thiệu chị C với anh H1 là chồng chị T, anh H1 trình bày người cho vay tiền là chị T - vợ anh, anh là người giao tiền cho chị C nên lời trình bày của chị C cho rằng chị vay tiền của chị T2 là không có căn cứ. Do đó, có cơ sở xác định chị C có vay của chị Lê Thị Hồng T số tiền 90.000.000đồng.

[3.1.2] Tại “*Giấy mượn tiền*” có nội dung chị Đỗ Minh C có mượn tiền của chị Lê Thị Hồng T số tiền 90.000.000 đồng, không ghi thời gian vay và thời hạn trả, không có thỏa thuận về lãi. Tuy nhiên, các bên đều thừa nhận đây là hợp đồng vay có lãi, trả lãi hàng tháng. Chị C trình bày lãi 15%/tháng đã trả được 8, 9 tháng nhưng không có chứng cứ chứng minh đã trả lãi cho nguyên đơn, nguyên đơn cho rằng lãi suất các bên thỏa thuận là 02%/tháng nhưng không ghi trong biên nhận, chị C chỉ đóng được 3 tháng thì không đóng nữa, nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với khoản vay này là có lợi cho bị đơn nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.2] Xét yêu cầu đối với khoản tiền vay 135.000.000 đồng:

[3.2.1] Tại phiên tòa, chị C thừa nhận có ký tên vào biên nhận 135.000.000đồng nhưng chị C cho rằng số tiền này là gộp chung khoản vay của những lần vay trước đó là 30.000.000đồng và 90.000.000đồng, cộng với số tiền 15.000.000đồng mà chị nợ chị T2 nên biên nhận ghi nợ 135.000.000đồng, chứ thực chất chị C chỉ vay tổng cộng là 120.000.000đồng nên chị C chỉ đồng ý trả 120.000.000đồng. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng số tiền 90.000.000đồng và số tiền 135.000.000 đồng không liên quan gì nhau. Việc chị C cho rằng chị vay tiền nhiều lần thông qua chị Võ Thị Thanh T1, việc trả lãi cũng qua chị T2. Tuy nhiên, chị T2 khai do biết anh H1 có cho vay tiền nên chị

T2 có giới thiệu với chị C, còn việc các bên vay tiền, giao nhận tiền thì chị không biết, các bên tự thực hiện với nhau. Chị C trình bày là nhận tiền vay và trả tiền lãi thông qua chị T2, anh H1, chị T trình bày anh H1 là người trực tiếp giao tiền, chị T là người cho chị C vay, anh thống nhất để chị T khởi kiện và nhận lại số tiền đã cho chị C vay. Mặt khác, nội dung “Giấy mượn tiền” ghi: “*Hôm nay ngày 28/10/2019 tôi có mượn của chị Lê Thị Hồng T số tiền 135.000.000 đồng, tôi cam đoan sẽ trả số tiền này khi chị T yêu cầu lấy lại 1 lần (trả 1 lần)...*”, chị C cũng thừa nhận có ký tên vào biên nhận này nên có cơ sở xác định chị Đỗ Minh C vay chị Lê Thị Hồng T số tiền 135.000.000đồng.

[3.2.2] Tại biên nhận ngày 28/10/2019 không ghi thời hạn trả, không có thỏa thuận về lãi, tuy nhiên chị C trình bày chị vay với lãi suất 15%/tháng, nguyên đơn cho rằng có cho chị C vay với lãi suất 02%/tháng nhưng chị C chưa trả lãi nên Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự tại thời điểm trả nợ theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Chị C trình bày chị đã đóng được 8,9 tháng với tổng số tiền lãi là 170.000.000đồng thông qua chị Võ Thị Thanh T1 nhưng đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày từ khi vay khoản vay này chị C chưa từng đóng lãi lẫn vốn, không có thiện chí trả nợ, chị C cũng không có chứng cứ nào khác chứng minh cho việc đã trả lãi nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có cơ sở.

[3.2.3] Về tiền lãi của khoản vay 135.000.000đồng: Từ ngày 28/10/2019 đến ngày xét xử 13/6/2022 là 31 tháng 16 ngày. Như vậy, số tiền lãi là $50\% \times 20\% / \text{năm} \times 135.000.000 \text{đồng} \times 31 \text{ tháng } 16 \text{ ngày} = 35.475.000 \text{đồng}$, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử là 35.000.000đồng là có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

[4] Chị C đồng ý trả cho chị T số tiền 120.000.000đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi hết số tiền 120.000.000 đồng nhưng không được đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp nhận nên không có cơ sở xem xét.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[6] Về ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Khoản 3 Điều 26, Điều 91, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466 và Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng T.

1. Buộc chị Đỗ Minh C có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Hồng T số tiền 260.000.000đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) (Trong đó số tiền vốn gốc 225.000.000đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng) và số tiền lãi 35.000.000đồng (Ba mươi lăm triệu đồng)). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành án

3. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Hồng T về việc không yêu cầu tính lãi trên số tiền 90.000.000 đồng.

4. Về án phí:

4.1 Chị Đỗ Minh C phải chịu 13.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4.2 Hoàn chị Lê Thị Hồng T số tiền 5.625.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003645 ngày 14/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Mỹ H, chị Đỗ Minh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn H1, chị Võ Thị Thanh T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Mai Thanh